

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-ST.

Ngày: 20-9-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị Thúy D, sinh năm 1976. (có mặt)

2. Ông Trương Văn T, sinh năm 1986. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 67/8, ấp B, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Công O, sinh năm 1962. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1971. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 135/7, ấp B, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 09/02/2021 (trong đơn khởi kiện ghi nhầm là năm 2011), bà D và ông T cho bà N và ông O vay số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 06

tháng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Việc vay tiền được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của bà N. Bà N và ông O trả tiền lãi được một tháng với số tiền là 800.000 đồng, sau đó thì không trả nữa. Bà D và ông T nhiều lần yêu cầu bà N và ông O trả tiền vay và tiền lãi, nhưng bà N và ông O không trả.

Nay bà D và ông T yêu cầu bà N và ông O trả số tiền vay là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà D và ông T trình bày là ngày 09/02/2021, bà D và ông T có cho bà N và ông O vay số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó khoảng một tháng, bà D và ông T có cho bà N và ông O vay T số tiền là 10.000.000 đồng, bà D và ông T không yêu cầu bà N ký giấy nợ khác mà bà Diễm viết T vào giấy nợ ngày 09/02/2021 với nội dung là “cộng T 10.000.000 đ Hẹn sáu tháng trả”.

Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc N trình bày:

Cách đây ba năm, bà N có vay của bà D và ông T số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 10%/tháng, mục đích vay tiền là để bà N chữa bệnh và làm vốn buôn bán. Bà N trả lãi được vài tháng thì không có tiền trả nữa. Năm 2021, bà Diễm cộng T 10.000.000 đồng tiền lãi, viết lại giấy nợ với số tiền là 30.000.000 đồng, bà N có ký tên vào giấy nợ. Bà N trả lãi T được vài tháng, thì không còn khả năng trả nữa. Khi trả tiền lãi cho bà Diễm, bà N không yêu cầu bà Diễm ký nhận tiền lãi, không có chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã trả.

Nay bà D và ông T yêu cầu bà N và ông O trả số tiền là 40.000.000 đồng thì bà N không đồng ý, bà N chỉ vay của bà Diễm số tiền là 20.000.000 đồng, bà N có ký giấy nợ với số tiền là 30.000.000 đồng vào năm 2021. Bà Diễm tự ý ghi T số tiền 10.000.000 đồng vào giấy nợ. Bà N đồng ý trả cho bà Diễm số tiền vay là 20.000.000 đồng, trả nhiều lần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ông Huỳnh Công O không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bị đơn là ông Huỳnh Công O đã được tổng đạt hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Công O.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay với số tiền là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là 01 giấy mượn

tiền. Bà N thừa nhận chỉ vay của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng vào năm 2019, vào năm 2021 bà N có ký nhận nợ với nguyên đơn số tiền là 30.000.000 đồng, bà N chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay là 20.000.000 đồng, trả nhiều lần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông Ó không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn vào năm 2019, có ký giấy nhận nợ vào năm 2021 với số tiền là 30.000.000 đồng. Bà Diễm xác định là bà Diễm ghi T số tiền cho bà N vay là 10.000.000 đồng vào giấy nợ ngày 09/02/2021, bà N không thừa nhận việc bà N có vay T của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, nguyên đơn không chứng minh được là bà N có vay T số tiền là 10.000.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn là có phần có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 288 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận một phần, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền là 10.000.000 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền vay của bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T, buộc bà Trần Thị Ngọc N và ông Huỳnh Công O có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T số tiền vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền vay của bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T, buộc bà Trần Thị Ngọc N và ông Huỳnh Công O có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T số tiền vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T đã nộp là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007954 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, trả lại cho bà Võ Thị Thúy D và ông Trương Văn T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Ngọc N và ông Huỳnh Công O phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Bà Võ Thị Thúy D, ông Trương Văn T và bà Trần Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Công O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng